

Số: 1416/ĐA-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015

ĐỀ ÁN
TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ
(Thực hiện theo Kế hoạch số 2182/KH-GDDT-TC
ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. Sự cần thiết

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

a) Hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh được quy hoạch là một trong những trường trọng điểm của ngành giáo dục đào tạo thành phố, thực hiện nhiệm vụ đào tạo đa bậc, đa hệ từ Trung học phổ thông đến Cao đẳng, gồm các ngành nghề: Cơ khí chế tạo, Công nghệ thông tin, Điện công nghiệp, Tiện, Nguội sửa chữa, Phay; Bào; Gò; Hàn; Sửa chữa Ôtô; Điện lạnh, Điện tử, Kỹ thuật May – Thời trang, Tài chính, Tiếng Anh, Kế toán Doanh nghiệp, Quản trị Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ sinh học. Với đội ngũ giảng viên – giáo viên có trình độ chuyên môn giỏi và cơ sở vật chất tốt, hiện nay trường đang từng bước đưa công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường hòa nhập với sự phát triển chung của giáo dục đại học, từng bước chuẩn hóa kiến thức cho người dạy và người học, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên giao dịch quốc tế:

LY TU TRONG TECHNICAL COLLEGE
OF HO CHI MINH CITY

Trụ sở chính:

390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

b) Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tiền thân là Trường Dạy nghề Trung học Lý Tự Trọng được thành lập năm 1986. Năm 1999, được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển thành Trường Trung học Kỹ thuật Lý Tự Trọng).

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh là Trường Cao đẳng trọng điểm, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế – kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của thành phố và khu vực lân cận. Nhà trường có quy mô đào tạo, mục tiêu và chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung và của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho học sinh và người lao động của thành phố và các tỉnh lân cận nâng cao trình độ học vấn để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Mục tiêu của nhà trường là đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế - kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe và tác phong khoa học, năng động, sáng tạo, có khả năng tư duy độc lập, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của Trường

a) Các yếu tố bên ngoài:

Tình hình kinh tế - xã hội: Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến thu nhập của người dân thành phố nói chung và đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên nói riêng, đồng thời ảnh hưởng đến nhận thức của xã hội về công tác đào tạo, ảnh hưởng đến mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Văn bản pháp quy của Nhà nước:

- Tác động đến xã hội và trường học.
- Ảnh hưởng đến ngành nghề đào tạo.
- Ảnh hưởng đến chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường.

b) Các yếu tố bên trong:

Diện tích mặt bằng: Diện tích khuôn viên trường ảnh hưởng quan trọng đến quy mô học sinh – sinh viên và quá trình đào tạo của nhà trường.

- Diện tích đất của nhà trường là 5,06466 ha.
- Diện tích sàn xây dựng 24.625 m².

Kinh phí: Kinh phí tác động đến toàn bộ hoạt động của nhà trường. Nhà trường (công lập) có 2 nguồn kinh phí:

- Một phần do nhà nước cấp
- Một phần từ các nguồn thu của nhà trường

Phần kinh phí do nhà nước cấp nhiều hay ít phụ thuộc vào nhiều yếu tố, không hoàn toàn do nhà trường quyết định, phần kinh phí từ các nguồn thu của nhà trường nhiều hay ít còn tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu tuyển sinh chịu tác động của 2 tiêu chí: tiêu chí diện tích xây dựng và tiêu chí chất lượng đội ngũ giảng viên. Do là trường công lập, nên tiêu chí diện tích xây dựng phụ thuộc nhiều vào các yếu tố khách quan. Còn tiêu chí chất lượng đội ngũ giảng viên phụ thuộc vào yếu tố chủ quan của nhà trường.

Chỉ tiêu biên chế:

- **Số lượng giảng viên** biên chế phụ thuộc quy mô đào tạo của trường và phụ thuộc quyết định phê duyệt biên chế của cơ quan cấp trên.

- **Về chất lượng giảng viên** phụ thuộc một số yếu tố chủ quan, như sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường và việc sử dụng những biện pháp hiệu quả để xây dựng đội ngũ, bên cạnh đó là nỗ lực tự thân nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giảng viên.

- **Nhân sự hiện có khối Cao đẳng (Trung cấp chuyên nghiệp) và khối THPT của trường:** Tổng số nhân sự: **311** người, trong đó:

+ Lãnh đạo, quản lý, điều hành:	4 người, gồm:
• Hiệu trưởng:	1 người
• Phó Hiệu trưởng:	3 người
+ Trưởng phòng chức năng và Trung tâm trực thuộc trường:	11 người
+ Phó trưởng phòng chức năng và Trung tâm trực thuộc trường:	14 người
+ Giảng viên Cao đẳng (và TCCN):	167 người
+ Giáo viên THPT:	43 người
+ Nhân viên khối chuyên nghiệp:	69 người
+ Nhân viên khối THPT:	03 người

Thương hiệu nhà trường: Thương hiệu nhà trường tác động rất lớn đến quy mô và chất lượng đào tạo. Thương hiệu phản ánh uy tín của trường đối với xã hội. Sau hơn 27 năm phấn đấu và trưởng thành từ trường Dạy nghề Trung học lên Trung học Kỹ thuật và Cao đẳng Kỹ thuật, nhà trường đã khẳng định được uy tín và thương hiệu với vị thế là một trường cao đẳng trọng điểm của ngành giáo dục chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển giáo dục của Thành phố nói riêng và đất nước nói chung.

II. Cơ sở pháp lý

Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng đề án:

Của Trung ương:

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; các văn bản quy định về quy trình giải quyết công việc; tiêu chuẩn chức danh của các sở, ban, ngành.

Của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Thực hiện công văn số 2292/HD-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Sở Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế,

Kế hoạch số 2182/KH-GDDĐT-TC ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Kế hoạch số 1087/KH- LTT-TC ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

I. Mục tiêu

Theo Điểm a, Khoản 2, Điều 16 Chương IV của Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế: Xác định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế được giao năm 2015 của trường, trong đó không bao gồm các trường hợp nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định (trừ trường hợp nghỉ, thôi việc thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP).

Rà soát, sắp xếp, đảm bảo số người cần thiết để thực hiện nhiệm vụ trong từng đơn vị (phòng, khoa, trung tâm, tổ bộ môn ...).

Phân loại, đánh giá cán bộ, viên chức bố trí công việc cán bộ, viên chức cho phù hợp, bảo đảm tính chuyên nghiệp nâng cao chất lượng cán bộ, viên chức.

Phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ viên chức, lựa chọn được đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên có năng lực đáp ứng yêu cầu công việc.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ, viên chức.

II. Thực trạng tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1. Sơ lược vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức của Trường.

Vị trí, chức năng:

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh chịu sự quản lý toàn diện và trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền quản lý trường cho Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố), Trường chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được hưởng các chính sách, chế độ của Nhà nước áp dụng cho hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Trường là đơn vị sự nghiệp đào tạo có thu, có tư cách pháp nhân, hoạt động với kinh phí sự nghiệp do ngân sách nhà nước cấp và một số hoạt động nghiên cứu, dịch vụ có thu theo quy định của nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng, có con dấu (bao gồm cả con dấu nổi) để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

- Trường chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, không để các tổ chức, cá nhân lợi dụng danh nghĩa, cơ sở vật chất của trường để tiến hành các hoạt động trái pháp luật và trái với quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Cơ cấu tổ chức:

- Bộ máy tổ chức của trường được phân thành 3 cấp: Trường (Ban Giám hiệu); Phòng/Khoa/Trung tâm trực thuộc trường; Tổ bộ môn.

- Cấp trường điều hành và quản lý toàn bộ các hoạt động của Nhà trường. Cấp khoa, phòng và trung tâm trực thuộc trường thực hiện nhiệm vụ tổ chức, triển khai các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ. Tổ chuyên môn phụ trách các công việc chuyên môn và thực hiện các mảng công việc cụ thể được phân công.

- Hiện nay Ban Giám Hiệu gồm có 1 Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng được phân công phân nhiệm rõ ràng bằng văn bản.

- Trường có 8 phòng chức năng: Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp, Tuyển sinh – Đào tạo – Giới thiệu việc làm, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Thiết bị – Vật tư, Kế hoạch – Tài chính, Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế, Thanh tra giáo dục – Công tác sinh viên, Quản trị - Dịch vụ;

- 7 khoa: Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Công nghệ Cơ khí, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Công nghệ Điện - Điện tử, Khoa Công nghệ Động lực, Khoa Công nghệ May - Thời trang, khoa Công nghệ Nhiệt – Lạnh (dự kiến đầu năm học 2015 – 2016 thành lập 4 khoa mới: khoa Ngoại ngữ; khoa Kinh tế; khoa Kỹ thuật Xây dựng; khoa Công nghệ - Thực phẩm – Sinh học)

- 6 đơn vị trực thuộc trường: Trường Trung học Phổ thông Lý Tự Trọng, Trung tâm Truyền thông - Thư viện, Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, Trung tâm Y tế, Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng (Ngoại ngữ - Tin học và Đào tạo ngắn hạn), Trung tâm Tiếng Đức.

- 34 tổ trực thuộc phòng, khoa.

- Mối quan hệ giữa Ban Giám hiệu với các đơn vị trực thuộc trường được thực hiện theo quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

- Trường có các tổ chức đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; và các hội đồng tư vấn: Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Hội đồng Thi đua Khen thưởng; Hội đồng Kỷ luật; Hội đồng tuyển sinh (hàng năm),...

- Bộ máy tổ chức của nhà trường được giới thiệu công khai, rõ ràng trên Website của nhà trường nhằm tạo điều kiện cho HSSV, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu, liên hệ công tác

2. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

- Giảng viên: 100% đạt chuẩn và trên chuẩn: 1/210 đạt trình độ tiến sĩ; 85/210 đạt trình độ Thạc sĩ; 124/210 đạt trình độ Đại học; các giảng viên, giáo viên cơ bản đạt trình độ, năng lực để giảng dạy và giáo dục học sinh, sinh viên.

- Cán bộ, nhân viên: 100% đạt chuẩn và trên chuẩn: 03/101 đạt trình độ tiến sĩ; 17/101 đạt trình độ Thạc sĩ; 51/101 đạt trình độ Đại học; 14/101 đạt trình độ Cao đẳng; 12/101 đạt trình độ Trung cấp; 1/101 có bằng nghề; 3/101 tốt nghiệp THPT.

- Trường có 1 nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định 68/CP.

- Hàng năm, số CBGVNV của trường đạt lao động tiên tiến khoảng 95%;

- Hàng năm, số CBGVNV của trường không hoàn thành nhiệm vụ khoảng 0.01 %;
- Hàng năm, chưa có CBGVNV của trường không hoàn thành nhiệm vụ do chất lượng công tác yếu kém;
- Không có cá nhân nào nghỉ phép hoặc nghỉ ốm quá ngày theo quy định của luật Bảo hiểm xã hội.
- Danh sách thực trạng đội ngũ cán bộ - viên chức (Đính kèm)

III. Phương án kiện toàn và tinh giản biên chế

1. Phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức của nhà trường

- Nhà trường đã soạn thảo xong văn bản Quy chế tổ chức và hoạt động mới nhất, dự kiến trình Sở Giáo dục - Đào tạo phê duyệt trong tháng 8/2015. Do đó, Nhà trường sẽ thực hiện văn bản đó, chưa có dự kiến thay đổi cơ cấu tổ chức.
- Một số đơn vị dịch vụ (Trung tâm Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng (Ngoại ngữ - Tin học và Đào tạo ngắn hạn), Trung tâm Tiếng Đức) thực hiện tự chủ về biên chế, kinh phí, tính khả thi của việc thực hiện tự chủ sẽ được trường thuyết minh theo từng giai đoạn cụ thể.

2. Phương án sắp xếp, kiện toàn cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng

- Số lượng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch và tiêu chuẩn chức danh của đội ngũ cán bộ, công chức thuộc Trường: Căn cứ Đề án Vị trí việc làm đã được Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt năm 2014 có rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm
- Liệt kê số vị trí việc làm và số nhân sự của mỗi vị trí:

VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRƯỜNG CĐ KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	Ghi chú		
			Đơn vị	Số lượng	Tên/Diện hợp đồng
I	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	4			
1	Hiệu trưởng	1		1	Phạm Hữu Lộc
2	Phó Hiệu trưởng	3		3	Lương Xuân Chính Nguyễn Văn Dũng Đinh Văn Đệ
II	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp Giảng viên	193			
1	Vị trí cấp trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc	10			
	Trưởng phòng	8	TC - HC - TH Kế hoạch – Tài	1 1	Bà Minh Ông Long

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	Ghi chú		
			Đơn vị	Số lượng	Tên/Diện hợp đồng
			chính Thiết bị - Vật tư Quản trị - Dịch vụ Thanh tra giáo dục - CTSV Đào tạo – Tuyển sinh - GTVL Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Quản lý công nghệ - HTQT	1 1 1 1 1 1	Ông Dũng Ông Liêm Ông Lâm Ông Tấn Ông Tuấn Bà Trang
	Giám đốc Trung tâm Trưởng Trung tâm	2	TT Đào tạo LTT TT Tiếng Đức TT NC ứng dụng và Chuyển giao công nghệ TT Truyền thông Thư viện TT Y tế	 1 1	Ông Lộc kiêm chức Ông Lộc kiêm chức Ông Lộc kiêm chức Ông Việt Bà Uyên
2	Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc	15			
	Phó Trưởng phòng	14	TC - HC - TH Kế hoạch – Tài chính Thiết bị - Vật tư Quản trị - Dịch vụ Thanh tra GD - CTSV Đào tạo – Tuyển sinh - GTVL Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2 2 2 2 1 3 2	Ô.Thiện + Ô. Lợi B.Hà + B. K.Dung B.Hoa + Ô.Chiến Ô.Thành + Ô.Lâm Ô.Cảnh + Ô.Nghĩa Ô.Sĩ + B.Vân B.Đào + Ô.Nhân
	Phó Giám đốc Trung tâm	1	TT Đào tạo LTT; TT tiếng Đức; TT NC ứng dụng và Chuyển giao CN		B.Trang

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	Ghi chú		
			Đơn vị	Số lượng	Tên/Diện hợp đồng
	Phó Trưởng Trung tâm		TT Truyền thông Thư viện	1	Ô.Hữu Thiện
3	Giảng viên	167	KHCB LLCT CN Cơ khí CN Động lực CN Nhiệt–Lạnh CN Điện – Đtử CNTT CN May thời trang	36 16 22 19 10 32 25 8	
4	Giáo viên phụ trách công tác Đoàn				Bà Nhuận (kiêm nhiệm)
5	Giảng viên Tư vấn tâm lý	1		1	Phạm Thị Lê Chi
III	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	66			
1	Nhân viên Thủ quỹ	1	Kế hoạch – Tài chính	1	Nguyễn Thị Hồng Thắm
2	Nhân viên Kế toán	7	Thiết bị - Vật tư Kế hoạch – Tài chính	3 4	Trần Thị Phương Oanh Thân Thị Nhung Nguyễn Thị Hương Hong Mộng Tuyết Dung Trần Thị Minh Thoa Phạm Lê Đông Hưng Đỗ Thị Ngọc
3	Nhân viên Văn thư - Lưu trữ - Thi đua	3	TC - HC - TH	3	Phan Thị Ngọc Phượng Võ Thị Lệ Trân Nguyễn Văn Chì
4	Nhân viên Y tế	2	Trung tâm Y tế	2	Bùi Thị Lan Anh Vũ Thị Thanh Nhân
5	Nhân viên Truyền thông - Thư viện	4	TT Truyền thông – Thư viện	4	Trần Thị Diễm Thúy Trương Hữu Lộc Nguyễn Tứ Cảnh Đặng Thu Hà

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	Ghi chú		
			Đơn vị	Số lượng	Tên/Diện hợp đồng
6	Nhân viên Kỹ thuật	15	Quản trị - DV - Sửa chữa cơ bản	6	Nguyễn Trọng Phú Vũ Ngọc Quang Giáp Văn Thịnh Nguyễn Anh Tuấn Nguyễn Thanh Sơn Trần Văn Lý
			- Sửa chữa bảo trì thiết bị Khoa Cơ khí	2	Giáp Văn Thịnh Ninh Đỗ Hiệp
				3	Võ Minh Quang Giáp Đức Nhận Lê Hoàng Anh Quân
			Khoa CNTT	3	Nguyễn Minh Dũng Nguyễn Tiến Việt Dũng Bùi Đăng Hoàng Tuấn
			Khoa Động lực	1	Trần Huỳnh Minh Khang
7	Nhân viên Đánh máy	2	Thanh tra giáo dục – CTSV	2	Lê Thị Nữ Nguyễn Thị Kim Anh
8	Nhân viên Bảo vệ	1	TC - HC - TH	1	Trần Văn Cu Anh
9	Nhân viên Lái xe	1	TC - HC - TH	1	Lê HùngThanh
10	Nhân viên Giáo vụ - Học vụ	12	Đào tạo – Tuyển sinh – Giới thiệu việc làm	7	Huỳnh Thị Minh Ly Võ Thị Xuân Thơ Huỳnh Thị Xuân Mai Nguyễn Thị Thanh Thảo Giáp Thị Vượng Vương Hội Khánh Nguyễn Trọng Nghĩa Trần Thị Phương
			Quản lý công nghệ – HTQT TT Đào tạo LTT	1	
				2	Đỗ Thị Tâm Lương Thị Thắm
			CN Cơ khí	1	Nguyễn Thị Hải Hà
			CN May thời trang	1	Mai Nguyễn Hoàng Yến
11	Nhân viên Quản lý Cơ sở vật chất	2	Thiết bị - Vật tư Quản trị - vụ	1 1	Huỳnh Thị Xuân Mai Đỗ Văn Trọng
12	Nhân viên Quản lý nhân sự	5	TC - HC - TH	5	Trần Thị Thu Hà Vũ Như Quỳnh Lê Thị Tuyết Trinh Nguyễn Thị Bích Liễu

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc	Ghi chú		
			Đơn vị	Số lượng	Tên/Diện hợp đồng
					Trần Thị Ánh Phượng
13	Nhân viên phụ trách Công tác học sinh sinh viên	3	Thanh tra giáo dục - CT SV	3	Phan Đức Long Bùi Hiền Lương Nguyễn Tất Thắng
14	Nhân viên phụ trách Công tác khảo thí	4	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	4	Nguyễn Văn Sơn Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Thị Thu Vũ Thị Thu Thủy
15	Nhân viên phụ trách Thanh tra	4	Thanh tra giáo dục - CT SV	4	Nguyễn Ngọc Hiệp Nguyễn Hoài Nam Bùi Thị Dương Hà Nhật Thanh
IV	Vị trí việc làm gắn với công việc khối THPT	47			
1	Quản lý	01			
	Giáo viên	43			
2	Nhân viên	3	Giáo vụ, học vụ	3	Nguyễn Thị Ngọc Anh Nguyễn Thị Thùy Nguyễn Thị Tuyết
	Tổng cộng	311			

- Phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng (theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ) theo vị trí việc làm: Đang thực hiện

IV. Kế hoạch tinh giản biên chế của từng năm và giai đoạn 2015 – 2021

Căn cứ kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại công chức, viên chức; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đối chiếu với quy định về đối tượng và các trường hợp tinh giản biên chế theo Điều 2, Điều 6, Chương I, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ để xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế từng năm và giai đoạn 2015 – 2021. Dự kiến số lượng người tinh giản và kinh phí của 7 năm (2015 – 2021) và của từng năm (2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021)

1. Năm 2015

a. Đối tượng: 01 (GV Nguyễn Hoài Nam, đã gửi hồ sơ trình Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định)

- Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 0 người
- Nghi hưu trước tuổi: 01 người

- Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
- Thôi việc ngay: 0 người
- Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giản
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: 103.700.824 đồng.
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ

2. Năm 2016

- a. Đối tượng: 04
 - Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 2 người
 - Nghỉ hưu trước tuổi: 02 người
 - Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
 - Thôi việc ngay: 0 người
 - Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giản
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Dự kiến: 450.000.000đ
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ

3. Năm 2017

- a. Đối tượng: 05
 - Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 2 người
 - Nghỉ hưu trước tuổi: 3 người
 - Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
 - Thôi việc ngay: 0 người
 - Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giản
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: 500.000.000đ
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ

4. Năm 2018

- a. Đối tượng: 05
 - Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 2 người
 - Nghỉ hưu trước tuổi: 3 người
 - Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
 - Thôi việc ngay: 0 người
 - Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giản
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: 500.000.000đ
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ
 -

5. Năm 2019

- a. Đối tượng: 05
 - Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 2 người
 - Nghỉ hưu trước tuổi: 3 người
 - Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
 - Thôi việc ngay: 0 người
 - Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giảm
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: 500.000.000đ
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ

6. Năm 2020

- a. Đối tượng: 05
 - Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 2 người
 - Nghỉ hưu trước tuổi: 3 người
 - Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
 - Thôi việc ngay: 0 người
 - Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giảm
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: 500.000.000đ
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ

7. Năm 2021

- a. Đối tượng: 08
 - Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: 3 người
 - Nghỉ hưu trước tuổi: 5 người
 - Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: 0 người
 - Thôi việc ngay: 0 người
 - Thôi việc sau khi đi học: 0 người
- b. Kinh phí tính giảm
 - Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: 800.000.000đ
 - Nguồn ngân sách của đơn vị: 0 đ

Lập danh sách số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong diện tinh giản biên chế và dự toán kinh phí giải quyết chế độ theo từng kỳ (6 tháng một lần) theo biểu mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d và 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 gửi cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp để thực hiện Đề án

- Nhà trường sẽ mời báo cáo viên triển khai Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Kế hoạch số 2182/KH-GDDĐT-TC ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đến toàn thể CB-GV-NV.

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ, viên chức trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng để tạo nhận thức và trách nhiệm cho toàn thể cán bộ, viên chức và để tạo sự đồng thuận trong đơn vị khi tổ chức triển khai việc tinh giản biên chế.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý biên chế theo hướng tập trung, thống nhất, đẩy mạnh và hoàn thành việc xác định vị trí việc làm để làm căn cứ bố trí số biên chế hợp lý cho từng đơn vị trực thuộc trường.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ để sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đồng thời tinh giản biên chế đối với tất cả các đơn vị trực thuộc trường. Trong quá trình thực hiện đề án chỉ tuyển dụng mới không quá 50% số biên chế tinh giản và nghỉ hưu theo quy định của Nhà nước, tuy nhiên số lượng viên chức tuyển dụng mới còn tùy thuộc vào quy mô đào tạo hàng năm của nhà trường.

- Xây dựng, cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo một cách hợp lý.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, viên chức.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, viên chức.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện Đề án:

- Trách nhiệm của Nhà trường (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng xét tinh giản biên chế):

+ Phổ biến, quán triệt chủ trương tinh giản biên chế đến từng CB-GV-NV biết;

+ Lập Kế hoạch tinh giản biên chế và Đề án tinh giản biên chế theo yêu cầu, mỗi 6 tháng có rà soát, bàn bạc và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo cụ thể;

+ Xét tinh giản biên chế đúng đối tượng, để ổn định tư tưởng, tâm lý của đội ngũ.

- Trách nhiệm của phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp:

+ Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Nhà trường thực hiện các thủ tục quy định về tinh giản biên chế;

+ Hướng dẫn cho đơn vị và cá nhân trong trường thực hiện Kế hoạch tinh giản biên chế.

- Trách nhiệm của Trưởng đơn vị trực thuộc:

+ Thông qua các cuộc họp đơn vị, quán triệt chủ trương chính sách tinh giản biên chế đến các cá nhân của đơn vị;

+ Rà soát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và vị trí việc làm của từng cá nhân trong đơn vị để sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị, từ đó xác định số lượng cá nhân dồi dư trong đơn vị;

+ Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, phân loại viên chức hàng năm;

+ Phối hợp với phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và Hội đồng Nhà trường trong quá trình thực hiện công tác tinh giản biên chế.

- Trách nhiệm của cá nhân CB-GV-NV:

+ Nắm bắt chủ trương chính sách về tinh giản biên chế;

+ Trong trường hợp chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu tinh giản biên chế của Nhà trường.

3. Kinh phí thực hiện Đề án:

Kinh phí từ nguồn ngân sách, **dự kiến 3.353.700.824 đồng.**

(Ba tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm ngàn, tám hai mươi bốn đồng)

4. Kiến nghị, đề xuất.

Khi cấp kinh phí thực hiện Đề án tinh giản biên chế cho trường, kính đề nghị các cấp có thẩm quyền duyệt cấp kịp thời để Nhà trường bớt khó khăn trong công tác giải quyết chế độ cho cá nhân được tinh giản biên chế.

Trên đây là Đề án tinh giản biên chế của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, kính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định phê duyệt. *th*

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT
- Sở Nội vụ
- Sở Tài chính
- Lưu: VT, TC-HC-TH

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc